

Số: 48-TBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 1985

### **THÔNG TƯ**

CỦA BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI SỐ 48-TBXH NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 1985  
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 236-HĐBT CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG  
NGÀY 18 THÁNG 9 NĂM 1985

*Ngày 18-9-1985, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 236-HĐBT bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách về thương binh và xã hội, Căn cứ vào Điều 31 của Nghị định, Bộ Thương binh và xã hội hướng dẫn cụ thể việc thực hiện như sau:*

### **VỀ LƯƠNG HƯU**

#### **A. ĐIỀU KIỆN NGHỈ HƯU**

Điều 1 và Điều 2 của Nghị định số 236-HĐBT quy định và các điều kiện nghỉ hưu; dưới đây nói rõ về những điều kiện đó:

### **TRỢ CẤP THƯƠNG TẬT**

#### **I. VIỆC ĐỊNH LẠI CÁC HẠNG THƯƠNG TẬT**

1. Điều 6 của Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng quy định thương binh được xếp thương tật theo 4 hạng.

Tiêu chuẩn của 4 hạng thương tật theo quy định cụ thể của Bộ Y tế và Bộ Thương binh và xã hội.

2. Tiêu chuẩn thương tật 4 hạng thay thế cho hai loại tiêu chuẩn 6 hạng và 8 hạng trước đây và được áp dụng thống nhất cho tất cả thương binh của các thời kỳ.

#### **II. TRỢ CẤP THƯƠNG TẬT**

1. Với thương binh ở diện hưởng lương, mức trợ cấp và căn cứ để tính trợ cấp đã được quy định rõ tại Điều 7 của Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Với thương binh ở diện hưởng sinh hoạt phí, Điều 7 của Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng quy định trợ cấp được tính trên mức ấn định là 250 đồng; trên cơ sở đó, mức cụ thể xem phụ lục số 1.

Trường hợp đặc biệt có mức sinh hoạt phí cao hơn 250 đồng thì được lấy mức đó làm cơ sở tính trợ cấp thương tật (điều này áp dụng cho cả trường hợp tính trợ cấp bệnh binh và trợ cấp quân nhân phục viên).

3. Những trường hợp bị thương nhẹ, có tỷ lệ thương tật từ 5% đến 20%, được trợ cấp một lần như quy định tại Điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân ban hành bằng Nghị định số 161-CP ngày 30-10-1964, Nghị định số 08/NĐ-76 của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 17-6-1976 và Thông tư liên Bộ Quốc phòng - Công an - Nội vụ số 104-LB-QP ngày 12-4-1965. Cụ thể, tùy theo tỷ lệ mất sức lao động, thương binh loại A và thương binh loại B được trợ cấp một lần một khoản tiền bằng từ 1 đến 3 tháng lương chính khi bị thương cộng với phụ cấp thâm niên (nếu có); xem phụ lục số 2.

Người không có lương được lấy mức ấn định 250 đồng làm cơ sở tính trợ cấp.

#### **III. MỘT SỐ PHỤ CẤP NGOÀI TRỢ CẤP THƯƠNG TẬT**

Về Điều 8 của Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng nay hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Thương binh hạng 1 được nuôi dưỡng ở gia đình, phường, xã, ngoài trợ cấp thương tật hàng tháng còn được phụ cấp thêm khoản tiền 70 đồng cho người phục vụ. Khoản tiền này thay cho khoản phụ cấp hàng tháng cho người phục vụ quy định tại Thông tư số 24-TBXH ngày 19-3-1984 của Bộ Thương binh và xã hội.

2. Thương binh hạng 1 được nuôi dưỡng ở gia đình, phường, xã được cấp một lần một khoản tiền để mua sắm những phương tiện sinh hoạt cần thiết. Khoản tiền này được tính theo giá trị một số vật dụng được quy định như sau: 1 giường đôi, và 1 tủ con để đầu giường bằng loại gỗ nhóm 4, 1 màn đôi sợi bông, 1 chiếu đôi, 1 chậu rửa mặt bằng sắt tráng men hoặc nhựa, 1 bộ âm chén trà nội địa.

Những vật dụng nói trên tính theo giá của từng địa phương trong từng thời gian, nhiều nhất không vượt quá số tiền ấn định tạm thời là 1.500 đồng.

3. Thương binh có hành động dũng cảm mà bị thương, khi về gia đình được phụ cấp ưu đãi một lần bằng:

- 2 tháng lương, gồm lương chính và phụ cấp thâm niên (nếu có) khi bị thương.
- 500 đồng nếu thương binh thuộc diện hưởng sinh hoạt phí khi bị thương.

Quy định trên đây của Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng thay cho quy định phụ cấp ưu đãi nói ở Điều 15 Điều lệ tạm thời về các chế độ đãi ngộ quân nhân ban hành kèm theo Nghị định số 161-CP ngày 30-10-1964 và ở điểm 3, Điều 4, Nghị định số 08-NĐ-76 ngày 17-6-1976.

- Những thương binh có hành động dũng cảm mà bị thương đã được xác nhận trước đây, đã về gia đình (kể cả thương binh hưởng lương hưu hoặc hưởng chế độ bệnh binh, chế độ trợ cấp mất sức lao động) thì kể từ ngày ban hành Nghị định số 236-HĐBT thôi không hưởng trợ cấp hàng tháng và chuyển sang hưởng phụ cấp ưu đãi một lần theo quy định tại Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

4. Thực hiện việc chăm sóc chung đời sống các thương binh, nếu có thương binh hạng 4 về gia đình cư trú ở thành phố, thị xã gặp nhiều khó khăn về sinh sống hoặc gặp khó khăn đột xuất thì Giám đốc Sở Thương binh và xã hội xem xét cụ thể từng trường hợp, có thể quyết định trợ cấp khó khăn một lần hoặc nhiều lần với mức từ 20 đến 30 đồng một tháng cho một người.

#### **IV. TÍNH LẠI TRỢ CẤP THƯƠNG TẬT CHO NHỮNG THƯƠNG BINH ĐÃ ĐƯỢC XÁC NHẬN TRƯỚC NGÀY 1-9-1985**

Theo Điều 9 của Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, thương binh đã được xác nhận trước ngày Nghị định có hiệu lực thì chuyển sang xếp hạng thương tật theo quy định ở Điều 6 và căn cứ vào mức lương cũ khi bị thương chuyển đổi sang mức lương mới cùng thang bậc lương để tính lại trợ cấp thương tật.

Nay hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Hai Bộ Y tế - Thương binh và Xã hội đã thống nhất ý kiến về việc xếp lại 8 hạng và 6 hạng thương tật trước đây sang 4 hạng như sau:

- a. Các hạng 8/8, 7/8, đặc biệt/6 và 1/6 cũ được chuyển sang xếp hạng 1 mới.
- b. Các hạng 6/8, 5/8 và 2/6 được chuyển sang xếp hạng 2 mới c. Các hạng 4/8, 3/8 và 3/6 được chuyển sang xếp hạng 3 mới
- d. Các hạng 2/8, 1/8, 4/6 và 5/6 được chuyển sang xếp hạng 4 mới.

Riêng với các thương binh hạng 6/8 đang hưởng chế độ nuôi dưỡng tại trại hay tại gia đình nay xếp hạng 2 vẫn giữ các chế độ đang hưởng.

2. Việc chuyển đổi mức lương và tính lại trợ cấp thương tật được thực hiện như sau:

a. Đối với những thương binh hưởng lương thì căn cứ vào mức lương cũ khi bị thương chuyển đổi sang mức lương mới ở cùng thang bậc lương cộng với phụ cấp thâm niên (nếu có) để tính lại trợ cấp thương tật theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và theo hướng dẫn nói tại mục II, chương nói về trợ cấp thương tật của Thông tư này.

b. Đối với thương binh chống Pháp khi bị thương là cán bộ từ trung đội trưởng trở lên, trước đây hưởng trợ cấp thương tật như thương binh thuộc diện hưởng sinh hoạt phí thì nay được căn cứ vào chức vụ khi bị thương chuyển đổi sang mức lương mới của cấp quân hàm tương đương (xem phụ lục số 3) để tính lại trợ cấp thương tật.

c. Đối với thương binh thuộc diện hưởng sinh hoạt phí thì được tính lại trợ cấp thương tật trên mức lương thống nhất là 250 đồng.

3. Những thương binh trước đây đã được xếp hạng 6/8 nếu về gia đình đã hưởng khoản phụ cấp hàng tháng 80 đ (tiền cũ) vì cần người phục vụ (theo Thông tư 24-TBXH ngày 19-3-1984) nay được cấp hàng tháng với mức 70 đồng (tiền mới).

4. Đối với những người bị thương trước ngày 1-9-1985 nhưng sau ngày đó mới giám định thương tật và được xác nhận là thương binh, cách tính trợ cấp như sau:

a. Khoảng thời gian trước ngày 1-9-1985: được xếp theo tiêu chuẩn 8 hạng; trợ cấp áp dụng theo chế độ và cách tính toán đang thực hiện trước khi ban hành Nghị định số 236-HĐBT.

b. Khoảng thời gian từ 1-9-1985 trở về sau được trợ cấp theo quy định mới: Căn cứ vào tỷ lệ mất sức lao động do thương tật, xếp theo 4 hạng thương tật và tính trợ cấp theo chế độ mới, được quy định tại Điều 7 của Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

5. Những quy định về tiêu chuẩn thương tật, chuyển hạng thương tật, trợ cấp thương tật, phụ cấp vì cần người phục vụ... đối với thương binh, được áp dụng thống nhất đối với những người hưởng chính sách như thương binh.

Thanh niên xung phong bị thương trong tập luyện quân sự, bị thương vì tai nạn lao động, tai nạn chiến tranh được xếp hạng thương tật và hưởng trợ cấp thương tật như thương binh loại B (theo quy định của Thông tư số 26-TTg-CN ngày 27-2-1968 của Thủ tướng Chính phủ).

6. Quân nhân dự bị, dân quân tự vệ không phải là công nhân, viên chức Nhà nước bị thương trong tập luyện quân sự quy định ở điểm 2 Điều 61 Điều lệ tạm thời về chế độ đãi ngộ quân nhân ban hành kèm theo Nghị định số 161-CP ngày 30-10-1964 và ở Điều 13 Nghị định số 8/NĐ-76 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 17-6-1976, nay được áp dụng tiêu chuẩn thương tật 4 hạng và được trợ cấp thương tật như sau:

+ Được trợ cấp hàng tháng:

- Hạng 1: 176 đồng - Hạng 2: 121 đồng

+ Được trợ cấp một lần:

- Hạng 3: 900 đồng - Hạng 4: 450 đồng

**TRỢ CẤP ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU VÌ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**

**A. ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP VÀ CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MẤT SỨC LAO ĐỘNG**

**I. ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP**

Kể từ ngày 1-9-1985 trở đi, công nhân, viên chức (bao gồm cả công nhân quốc phòng, công nhân ngành Công an) nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động phải có đủ điều kiện đã được quy định tại Điều 14 của Nghị định; dưới đây nói cụ thể thêm như sau:

1. Nếu công nhân, viên chức về nghỉ việc vì ốm đau hoặc vì tai nạn thì nhất thiết phải qua Hội đồng giám định y khoa giám định sức lao động; Nếu về nghỉ việc do hết tuổi lao động (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi) thì không phải qua giám định.

2. Những công nhân, viên chức vì ốm đau đã nghỉ việc trước ngày có chính sách bảo hiểm xã hội (thuộc diện thi hành Thông tư số 11-NV ngày 20-9-1966 của Bộ Nội vụ, nay là Bộ Thương binh và xã hội; và thuộc diện thi hành Nghị định số 10-NĐ-76 ngày 18-6-1976 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam), nếu có đủ 15 năm công tác (tính theo hệ số) và được Hội đồng giám định y khoa xác nhận mất sức lao động từ 61% trở lên, thì nay cũng được hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động theo Điều 14 Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

## II. TRỢ CẤP MẤT SỨC LAO ĐỘNG HÀNG THÁNG

1. Những công nhân, viên chức có đủ điều kiện để hưởng trợ cấp thì ngoài tiền trợ cấp hàng tháng tính theo quy định ở Điều 14 của Nghị định, khi về nghỉ việc còn được trợ cấp một lần một khoản tiền bằng 1 tháng lương và các khoản phụ cấp lương, phụ cấp đất đai, phụ cấp khu vực (nếu có).

2. Công nhân, viên chức về nghỉ việc vì mất sức lao động là Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động thì trợ cấp hàng tháng được cộng thêm khoản phụ cấp ưu đãi tính bằng 5% tiền lương và phụ cấp thâm niên (nếu có).

## III. TRỢ CẤP MỘT LẦN

Công nhân, viên chức vì mất sức lao động hoặc hết tuổi lao động được nghỉ việc nhưng chưa có đủ 15 năm công tác thì trợ cấp một lần theo quy định tại Điều 14 Nghị định 2 số 36-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và do quỹ bảo hiểm xã hội đài thọ. Về cách tính trợ cấp: cứ mỗi năm công tác (tính theo hệ số) được trợ cấp bằng 1 tháng lương chính cộng với tất cả các khoản phụ cấp đang hưởng (nếu có) phụ cấp đất đai, phụ cấp khu vực (nếu có). Trường hợp thời gian công tác có tháng lẻ, thì từ 1 đến 6 tháng tính thêm 1/2 tháng lương; có từ 7 tháng đến tròn 12 tháng tính thêm 1 tháng lương chính và các khoản phụ cấp đang hưởng (nếu có).

## B. CHẾ ĐỘ GIÁM ĐỊNH LẠI SỨC LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐÃ HỒI PHỤC SỨC LAO ĐỘNG

### I. CHẾ ĐỘ GIÁM ĐỊNH LẠI SỨC LAO ĐỘNG

Công nhân, viên chức nghỉ việc vì mất sức lao động hưởng trợ cấp hàng tháng, còn trong độ tuổi lao động thì kể từ ngày về nghỉ việc, cứ 2 năm giám định lại sức lao động 1 lần theo đúng quy định ở Điều 15 của Nghị định. Chứng nhận của Hội đồng giám định y khoa về sức lao động là cơ sở để cơ quan thương binh và xã hội xét trợ cấp tiếp hay thôi trợ cấp. Nếu đến thời hạn mà người đang hưởng trợ cấp không đi giám định lại sức lao động, cơ quan Thương binh và xã hội thông báo đến lần thứ 3 mà người đó vẫn không thực hiện việc giám định mà không có lý do chính đáng thì không được nhận trợ cấp tiếp.

Riêng những người dưới đây thì không yêu cầu giám định lại sức lao động:

- a. Những người đã mất sức lao động từ 81% trở lên.
- b. Là thương binh hoặc hưởng chính sách như thương binh từ hạng 3 trở lên.
- c. Khi về nghỉ mất sức hoặc đến thời hạn khám nhưng nam đã 50 tuổi, nữ đã 45 tuổi.
- d. Những người đã qua giám định 2 lần mà sức lao động vẫn không hồi phục.

Trường hợp có yêu cầu của người hưởng trợ cấp mất sức lao động hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương thì Giám đốc Sở Thương binh và xã hội xem xét và quyết định.

### II. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐÃ PHỤC HỒI SỨC LAO ĐỘNG

Những người được Hội đồng giám định y khoa xác nhận đã phục hồi sức lao động (sức lao động giảm không quá 60%) thì thôi trợ cấp hàng tháng như quy định ở Điều 16 của Nghị định và giải quyết như sau:

1. Sở Thương binh và xã hội thông báo cho cơ quan, xí nghiệp cũ biết để sắp xếp việc làm cho người đã phục hồi sức lao động. Nếu cơ quan, xí nghiệp cũ không tiếp nhận lại làm việc

và cơ quan, xí nghiệp khác của Nhà nước cũng không tuyển dụng thì cơ quan, xí nghiệp cũ quyết định trợ cấp thôi việc cho người đã phục hồi sức lao động bằng ngân sách của mình. Trường hợp cơ quan, xí nghiệp cũ đã giải thể, thì cấp trên trực tiếp của cơ quan, xí nghiệp đó có trách nhiệm giải quyết.

Về cách tính trợ cấp thôi việc: lấy tổng số thời gian công tác của người công nhân, viên chức (tính theo hệ số) trừ đi số năm, tháng đã nhận trợ cấp, còn lại bao nhiêu thời gian, thì cứ mỗi năm còn lại, trợ cấp bằng 1 tháng tiền lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) mà người đó đã hưởng trước khi về nghỉ việc, chuyển đổi sang mức lương mới cùng thang bậc lương.

2. Những người đã hồi phục sức lao động, được cơ quan, xí nghiệp cũ bố trí làm việc lại nhưng không nhận việc thì không được hưởng khoản trợ cấp thôi việc nói trên.

### **C. ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC ĐÃ VỀ NGHỈ VIỆC TRƯỚC NGÀY 1-9-1985**

Công nhân, viên chức đã về nghỉ việc vì mất sức lao động trước ngày 1-9-1985 và đến nay còn đang hưởng trợ cấp hàng tháng thì giải quyết theo như quy định ở Điều 17 của Nghị định số 236-HĐBT; dưới đây hướng dẫn cụ thể:

1. Những người đã nói ở điểm a, b, c, d trong phần I mục B trên đây không thuộc diện giám định lại sức lao động. Những người trước đây về nghỉ không qua giám định, những người mà chính quyền cơ sở (xã, phường, thị trấn) phát hiện là khoẻ mạnh và cả những người chưa có đủ 15 năm công tác mà không thuộc diện nói ở các điểm a, b, c, d, thì đều phải giám định lại sức lao động để giải quyết theo đúng quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Những người sau khi đã được giám định lại sức lao động được xác nhận sức khoẻ không hồi phục và những người không thuộc diện phải giám định lại, nếu có đủ thời gian công tác tính theo hệ số đủ 30 năm (đối với nam) hoặc đủ 25 năm (đối với nữ) thì được chuyển sang hưởng lương hưu kể từ ngày 1-9-1985.

3. Những trường hợp tuy chưa có đủ 15 năm công tác nhưng thuộc diện sau đây thì Giám đốc Sở Thương binh và xã hội có thể xem xét cho tiếp tục hưởng trợ cấp hàng tháng bằng 40% tiền lương và phụ cấp thâm niên (nếu có) theo Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng:

a. Những người được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang, hoặc Anh hùng lao động.

b. Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh có thương tật từ hạng 4 trở lên; Những người được xếp hạng thương tật vì tai nạn lao động, vì bệnh nghề nghiệp từ hạng 3 trở lên.

c. Những người có xác nhận của Hội đồng giám định y khoa đã mất sức lao động từ 81% trở lên, những người đã có đủ 10 năm công tác thực tế và tính đến ngày 1-9-1985 đã hết tuổi lao động (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi).

d. Những người đã có 10 năm công tác thực tế, trong đó có đủ 3 năm tham gia kháng chiến chống Pháp, hoặc có đủ 3 năm tham gia kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam; hoặc có đủ 5 năm công tác ở Căm-pu-chia, ở Lào; hoặc có đủ 5 phục vụ trong lực lượng vũ trang; hoặc có đủ 5 năm làm các nghề đặc biệt độc hại, nặng nhọc, hay làm việc ở vùng có nhiều khó khăn gian khổ.

đ. Những người trước đây đã được Bộ Thương binh và xã hội xét cho hưởng lại trợ cấp mất sức hàng tháng.

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. Điều 28 - Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng quy định lương hưu và các khoản trợ cấp hàng tháng được cộng thêm phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng.

Các khoản trợ cấp hàng tháng nói trên đây, là kể cả khoản sinh hoạt phí được quy định tại các Điều 19, 23, 25 và 26 của Nghị định; kể cả khoản phụ cấp ưu đãi hàng tháng đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8-1945 và đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động và khoản phụ cấp về người phục vụ.

2. Điều 29 - Nghị định số 236-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng quy định phụ cấp khu vực nơi cư trú được thực hiện đối với công nhân, viên chức, quân nhân hưởng lương hưu hoặc trợ cấp nghỉ việc vì mất sức lao động (trợ cấp hàng tháng) và đối với thương binh, bệnh binh - kể cả người hưởng chính sách như thương binh - hưởng trợ cấp thương tật hoặc trợ cấp bệnh binh hàng tháng.

Việc tính phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng và phụ cấp khu vực nơi cư trú thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động.

3. Căn cứ vào yêu cầu và khả năng của địa phương, vào trách nhiệm và quyền hạn, các cấp quyết định những nội dung và biện pháp để thực hiện tốt chính sách và chăm sóc chu đáo đời sống của những người hưởng chính sách thương binh và xã hội.

### **MỘT SỐ ĐIỂM VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 236-HĐBT**

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) về giá - lương - tiền, Nghị định số 236-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng là một chính sách lớn của Đảng, nhất là đối với người có công, thể hiện sự quan tâm và cố gắng lớn của Nhà nước trong tình hình hiện nay về chăm sóc ổn định và cải thiện một bước đời sống của những người hưởng chính sách thương binh và xã hội.

Vì vậy, cơ quan Thương binh và xã hội các cấp cần làm tốt vai trò tham mưu cho lãnh đạo địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách mới một cách khẩn trương, đúng quy định, bảo đảm đầy đủ chế độ của người hưởng chính sách.

Để đạt được yêu cầu đó, cần chú ý mấy điểm sau đây:

1. Làm tốt công tác chuẩn bị về mọi mặt, nhất là về bồi dưỡng cán bộ và tổ chức lề lối làm việc, có kế hoạch, chương trình hành động khoa học và đồng bộ. Tận dụng được nhiều nhất hiệu quả của công tác quản lý hồ sơ vào việc thực hiện chính sách mới; cải tiến một bước quan trọng về thủ tục thi hành chính sách, giảm cao nhất việc gây phiền hà cho người được hưởng, đồng thời không sơ hở để bị lợi dụng.

2. Tổ chức thực hiện khẩn trương, làm đến đâu chắc đến đó, bảo đảm không sai sót, phải sửa chữa về sau. Phân đấu không để xảy ra gián đoạn về trả trợ cấp, làm ảnh hưởng đến đời sống người được hưởng, khi chính sách cũ đã hết hiệu lực và chính sách mới chưa làm xong. Nêu cao tinh thần tận tụy trong công tác với ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ cao, tạo mọi điều kiện để người hưởng chính sách thực hiện được quyền làm chủ đối với quyền lợi được hưởng, hiểu được quyền lợi có ý nghĩa thế nào, gồm những gì, là bao nhiêu.

3. Nêu cao ý thức tổ chức và kỷ luật trong quá trình thực hiện chính sách mới, gặp khó khăn, vướng mắc gì, cần nghiêm túc kịp thời xin ý kiến của Bộ; trong điều kiện cho phép, được thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, nhất thiết không giải quyết việc gì ngoài khuôn khổ quy định của chính sách, chế độ.

4. Tiếp tục tổ chức và phát huy tốt các phong trào chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của những người hưởng chính sách thương binh và xã hội theo hướng Nhà nước, nhân dân và đồng bào cùng làm; quan tâm đến tất cả các thành viên hưởng chính sách ở tất cả các khu vực, trong đó chú ý người có công, chú ý khu vực có chiến sự và các địa bàn thành phố, thị xã; khai thác hết khả năng của bốn nguồn vật chất (Trung ương, địa phương, nhân dân và sự giúp đỡ quốc tế) để hỗ trợ cho chế độ, chính sách của Nhà nước; chú trọng tạo điều kiện phát huy khả năng tự lực của người hưởng chính sách thông qua kết quả lao động sản xuất của bản thân.

5. Tổ chức tốt mối quan hệ với các ngành, các đoàn thể cùng thực hiện chính sách thương binh và xã hội dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân các cấp, có phân công, phối hợp chặt chẽ, huy động được sức mạnh tổng hợp ở tất cả các cấp, các địa bàn, từ cơ sở trở lên.

Quan tâm chống các hiện tượng lợi dụng, giả danh để hưởng chính sách một cách không chính đáng; chống các hiện tượng tham ô, lãng phí trong khi thi hành chính sách.

**Song Hào**  
(Đã Ký)

## PHỤ LỤC

(Đính kèm thông tư số 48-TBXH ngày 30-9-1985)

### I. PHỤ LỤC SỐ 1

#### MỨC TRỢ CẤP THƯƠNG TẬT HÀNG THÁNG CỦA THƯƠNG BINH THUỘC DIỆN HƯỞNG SINH HOẠT PHÍ TÍNH TRÊN MỨC ẮN ĐỊNH 250 ĐỒNG

Hạng thương tật	Thương binh loại A		Thương binh loại B	
	Khi về gia đình	Khi đang công tác hoặc khi về hưu	Khi về gia đình	Khi đang công tác hoặc khi về hưu
Hạng 1	250 đồng	75 đồng	200 đồng	60 đồng
Hạng 2	175 -	52,50	137,50	41,25
Hạng 3	125 -	37,50	87,50	26,25
Hạng 4	50 -	15,00	37,50	11,25

Số: 17/2004/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2004

## THÔNG TƯ

CỦA BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI SỐ 17/2004/TTBLĐTBXH NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2004 VỀ VIỆC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỂM CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2003/TT-BLĐTBXH NGÀY 07/2/2003 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI BỆNH BINH HOẶC CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC NGHỈ VIỆC HƯỞNG CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG ĐỒNG THỜI LÀ THƯƠNG BINH HOẶC NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH

Thi hành Nghị định số 102/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc quy định chế độ trợ cấp đối với bệnh binh hoặc công nhân viên chức nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động đồng thời là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm cụ thể của Thông tư số 02/2003/TT-BLĐTBXH ngày 07/2/2003 (dưới đây gọi là Thông tư số 02/2003) như sau:

### **1. Sửa đổi điểm 4 Mục I của Thông tư 02/2003:**

4. Bệnh binh, công nhân viên chức mất sức lao động đồng thời là thương binh quy định tại điểm 1 và 2 Mục I của Thông tư số 02/2003 đã được lập hồ sơ xác nhận, thực hiện chế độ từ trước ngày 01/01/1995 và đến ngày Nghị định số 102/2002/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, đang hưởng trợ cấp bệnh binh hoặc trợ cấp mất sức lao động hoặc trợ cấp đối với thương binh.

### **2. Bổ sung điểm 1 Mục II của Thông tư 02/2003:**

Trường hợp bệnh binh, công nhân viên chức mất sức lao động đồng thời là thương binh quy định tại điểm 1 Mục I của Thông tư số 02/2003 đang hưởng trợ cấp thương tật hàng tháng, còn được hưởng trợ cấp bệnh binh hoặc trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

Ví dụ 1:

Ông H có 14 năm 6 tháng phục vụ trong quân đội về nghỉ hưởng chế độ bệnh binh từ ngày 15/10/1980 với tỷ lệ MSLĐ 61%, trong biên bản giám định bệnh tật hoặc thương tật có xác định tỷ lệ thương tật là 41%. Năm 1986 ông được giám định lại thương tật và chuyển sang hưởng trợ cấp thương binh với tỷ lệ thương tật là 55%.

Thời gian phục vụ trong quân đội của ông H được tính tròn là 15 năm, ông H tiếp tục hưởng trợ cấp thương binh với tỷ lệ thương tật 55%, đồng thời được hưởng khoản trợ cấp bệnh binh với tỷ lệ MSLĐ 61%.



Ví dụ 2:

Ông K có 20 năm công tác liên tục ở cơ quan Nhà nước, về nghỉ chế độ MSLĐ từ ngày 01/4/1991 với tỷ lệ MSLĐ 78%, trong biên bản giám định bệnh tật hoặc thương tật có xác định tỷ lệ thương tật là 61%. Ông K chuyển hưởng trợ cấp thương binh.

Nay ông K tiếp tục hưởng trợ cấp thương binh với tỷ lệ thương tật 61%, đồng thời được hưởng khoản trợ cấp MSLĐ hàng tháng.

**3. Bổ sung thêm tiết đ tại điểm 1 Mục III của Thông tư 02/2003:**

đ. Công nhân viên chức có quyết định nghỉ mất sức lao động theo Nghị quyết số 16/HĐBT ngày 18/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) mà không có biên bản của Hội đồng Giám định Y khoa.

**4. Hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ bệnh binh hoặc mất sức lao động đối với người đang hưởng trợ cấp thương binh** thực hiện theo như quy định tại Thông tư 02/2003. Riêng danh sách và bản tổng hợp theo mẫu đính kèm (các mẫu số 2b, 3b, 3c, 3d, 4b).

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Thương binh được hưởng trợ cấp bệnh binh hoặc trợ cấp mất sức lao động kể từ ngày Nghị định số 102/2002/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và xã hội để nghiên cứu hướng dẫn.

**Nguyễn Đình Liêu**  
(Đã ký)